

# KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2003

## Tăng trưởng kinh tế

*Mặc dù gặp phải những khó khăn ở trong và ngoài nước như dịch SARS, thị trường thế giới biến động do chiến tranh Iraq, chính sách bảo hộ thương mại tinh vi tại một số thị trường, song nhờ có những định hướng chỉ đạo*



*kip thời của Đảng, Nhà nước và tinh thần phát huy tối đa nội lực của toàn dân, Việt Nam đã thực hiện thành công nhiều mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2003 - năm bản lề của kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm (2001 - 2005). Cơ cấu ngành nghề kinh tế đã dần chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm từ 24,5% năm 2000 xuống còn 22,2% năm 2003; tỷ trọng công nghiệp tăng từ 36,7% lên khoảng 39%; tỷ trọng các ngành dịch vụ được duy trì ở mức 38,5%.*

Tổng sản phẩm quốc nội năm 2003 tăng 7,24%, mức cao nhất trong 5 năm và đứng thứ hai châu Á sau Trung Quốc. Tuy không đạt được mục tiêu 7,5% như kế hoạch đề ra song đây là thành tựu to lớn của Việt Nam khi phải đương đầu với nhiều khó khăn trong nước và trên thị trường thế giới. Để đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân là 7,5% cho giai đoạn 5 năm (2001-2005), tốc độ tăng GDP trong năm 2004 cần phải đạt cao hơn nữa, ở mức 8%.

## Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong năm 2003, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 4,9% với sự đóng góp đáng kể của các lĩnh vực nuôi trồng (tăng 17,6%) và thủy sản (tăng 9,5%). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng nuôi trồng cây con có năng suất và giá trị kinh tế cao, tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Việt Nam vẫn duy trì vị trí nhất (nhì) về xuất khẩu gạo, cà phê trên thế giới.

## Sản xuất công nghiệp

Đây là khu vực có tầm quan trọng nhất đối với nền kinh tế quốc dân, đóng góp tới 40% GDP. Ngành công nghiệp tăng trưởng khá vững chắc, tăng 16,1% so với năm 2002 với sự đóng góp đồng đều của tất cả các khu vực kinh tế. Khu vực kinh tế quốc doanh tăng 12,3% và chiếm tới 36% tổng giá trị sản xuất toàn ngành. Công nghiệp ngoài quốc doanh với hơn 14 nghìn doanh nghiệp, thu hút hơn 2,5 triệu lao động đã tăng trưởng hơn 18% và chiếm tỷ trọng hơn 26%. Khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt mức tăng trưởng 18,5%, chiếm tỷ trọng gần 38%



nhờ đóng góp chủ yếu của ngành khai thác dầu thô. Cơ cấu ngành tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp chế biến những sản phẩm có giá trị cao. Các doanh nghiệp bước đầu tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tạo ra một số sản phẩm có chất lượng cao và có khả năng cạnh tranh. Nhiều hàng hóa chất lượng cao mang thương hiệu Việt Nam đã thu hút được sự lựa chọn của khách hàng và chiếm lĩnh thị trường cả trong và ngoài nước.

## Dịch vụ

Mặc dù bị tác động bởi đại dịch SARS, tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ vẫn đạt 6,57%. Lượng khách quốc tế đến du lịch Việt Nam giảm không nhiều so với năm 2002, đạt 2,429 triệu khách. Đây là kết quả đáng khích lệ nhờ các nỗ lực quảng bá dịch vụ của ngành du lịch trong năm 2003.

## Xuất nhập khẩu



Kim ngạch xuất khẩu năm 2003 đạt 19,843 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2002, gấp hơn 2 lần so với kế hoạch đề ra. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức tăng trưởng kỷ lục 27,1%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, chỉ riêng bốn mặt hàng xuất khẩu chủ lực là dầu thô, dệt may, thủy sản và giày dép đã đóng góp 11,82 tỷ USD, tương đương 60% tổng kim ngạch. Trong khi rau quả, chè, lạc và hạt tiêu giảm sút về kim ngạch (giảm nhiều nhất là chè và rau quả - gần 30%), các mặt hàng nông sản khác tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng xuất khẩu khá cao như cà phê (41,7%), điều (36,1%) và cao su (43,1%).

Tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2003 đạt 24,995 tỷ USD, tăng 26,7% so với năm 2000, khiến cho chênh lệch của cán cân thương mại ở mức cao kỷ lục 5,152 tỷ USD. Hầu hết các mặt hàng nhập khẩu đều tăng kim ngạch trên 10% trong đó một số loại nguyên liệu, hàng hóa phục vụ cho các ngành sản

xuất như sắt, thép, hóa chất, phân bón... tăng mạnh, một phần là do giá thế giới cao. Việc nhập siêu tăng đột biến một phần là do các doanh nghiệp trong nước đang tập trung đổi mới công nghệ, đẩy mạnh việc nhập khẩu máy móc, thiết bị chính là yếu tố quan trọng khiến kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh (riêng kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị đã lên tới 5,394 tỷ USD, tăng 42,2%)

### Đầu tư

Năm 2003 có thể được coi là năm bùng nổ về thu hút đầu tư và viện trợ. Tổng vốn đầu tư phát triển 3 năm 2001-2003 tăng 13,5%, riêng năm 2003 tăng 18,4% và bằng 35,6% GDP. Đây là tỷ lệ cao nhất từ trước tới nay của Việt Nam và cũng là tỷ lệ cao so với các nước trong khu vực. Số lượng vốn FDI đăng ký mới đạt 2,6 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Có 660 dự án mới được cấp phép với tổng số vốn đầu tư trên 1,65 tỷ USD.

